

ĐỘNG LỰC HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thúy Dung

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh
Email: nguyenthithuydung@hcmussh.edu.vn

Article history

Received: 18/4/2022

Accepted: 30/5/2022

Published: 05/7/2022

Keywords

Learning motivation,
students, high schools, Ho
Chi Minh City

ABSTRACT

In the context of the Industrial Revolution 4.0 with the rapid development of science and technology, rapid and drastic changes in economy, culture and society, affecting both positively and negatively to the learners, creating learning motivation has become even more important. The article presents the results of a survey using a questionnaire for teachers and students of public high schools in Ho Chi Minh City on learning motivation and factors affecting students' learning motivation. The 2 most appreciated expressions of students' learning motivation included: hard work and efforts to overcome difficulties to complete learning tasks; other expressions such as self-discipline and initiative; enthusiasm and eagerness; excitement and passion in learning were not highly appreciated. The development of science and technology (internet, modern learning medium) is found to have the highest influence on students' learning motivation. In addition, subjective factors related to individual students as well as factors related to teaching are all found to have a great influence on students' learning motivation. The research results contribute to proposing measures to help high school teachers effectively motivate students.

1. Mở đầu

Theo Từ điển bách khoa Tâm lý học, Giáo dục học Việt Nam do Phạm Minh Hạc (2013) chủ biên, “*động lực là nguồn gốc cung cấp năng lượng thôi thúc để giúp cá nhân có thể phấn đấu vươn lên*” (tr 253). Động lực học tập (ĐLHT) là “*trạng thái nội tâm lâu dài giúp HS duy trì hứng thú và ham muốn tìm tòi, học hỏi, vượt qua những trở ngại*” (Đỗ Hữu Tài và cộng sự, 2016, tr 2), “*ĐLHT là khao khát, mong muốn, hào hứng, cảm thấy có trách nhiệm và đầy nhiệt huyết trong quá trình học tập*” (Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt, 2016, tr 107). Như vậy, một cách khái quát, có thể hiểu, ĐLHT của HS là sự thúc đẩy bên trong khiến cho HS tích cực và nỗ lực học tập đạt hiệu quả cao. Những biểu hiện nổi bật khi HS có ĐLHT là HS sẽ chăm chỉ; hăng hái, tích cực; tự giác, chủ động; hứng thú, say mê; nỗ lực, kiên trì vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập. ĐLHT càng quan trọng đối với HS THPT - lứa tuổi cần có ĐLHT để nỗ lực học tập, đủ sức vượt qua kì thi tốt nghiệp THPT và có thể tham gia các kì thi tuyển chọn vào các trường đại học hoặc các cơ sở đào tạo khác, bước vào một giai đoạn phát triển mới của cuộc đời.

ĐLHT của HS nói chung và HS THPT nói riêng được hình thành và phát triển dưới tác động của nhiều yếu tố: Dương Thị Kim Oanh (2013) xác định 2 nhóm yếu tố từ bản thân hoạt động học tập và từ mối quan hệ của người học với môi trường xung quanh (tr 140); Phạm Hồng Quang và Lê Hồng Sơn (2011) nhấn mạnh vai trò của yếu tố môi trường học tập (tr 97-135); Đinh Phương Duy (2015) cũng đề cập đến vai trò của môi trường học tập thân thiện (tr 21); Nguyễn Thị Thúy Dung (2021) tổng hợp 3 nhóm yếu tố: *các yếu tố thuộc về HS* (nhu cầu, ước muốn, hứng thú, đặc điểm tính cách, năng lực của HS, đặc điểm gia đình HS...); *các yếu tố thuộc về hoạt động học tập* (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và đánh giá kết quả học tập); *các yếu tố thuộc về môi trường học tập* (các mối quan hệ giữa GV với HS, giữa HS với HS; các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ học tập như phòng học, cách sắp xếp lớp học, phương tiện học tập... (tr 1-5).

Nghiên cứu về ĐLHT và các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS THPT là rất cần thiết, đặc biệt cần thiết với HS THPT ở TP. Hồ Chí Minh - thành phố đông dân với số lượng HS THPT chiếm tỉ lệ lớn trong tổng số HS THPT của cả nước; trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ của Việt Nam hiện nay. Bài báo này trình bày kết quả khảo sát thực trạng ĐLHT của HS THPT TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu góp phần định hướng cho việc đề xuất các biện pháp giúp GV THPT tạo ĐLHT cho HS một cách hiệu quả.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về khảo sát

- *Mục tiêu khảo sát:* Làm rõ thực trạng ĐLHT của HS THPT TP. Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp nâng cao ĐLHT cho HS THPT ở địa phương này.

- *Nội dung khảo sát:* Biểu hiện ĐLHT của HS và các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS THPT TP. Hồ Chí Minh.

- *Địa bàn và mẫu khảo sát:* Khảo sát được tiến hành vào thời điểm tháng 3/2022 tại các trường THPT công lập ở 7 quận nội thành, 4 huyện ngoại thành và 3 quận của TP. Thủ Đức thuộc TP. Hồ Chí Minh. Mẫu khảo sát bao gồm 789 GV và 5.473 HS, được chọn bằng cách lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng (bảng 1):

Bảng 1. Mẫu khảo sát

| TT | Quận/ Huyện/ TP | GV | | | HS | | | |
|----|----------------------|------|------|------------|--------|--------|--------|-------------|
| | | KHTN | KHXH | Tổng | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 | Tổng |
| 1 | Quận 1 | 19 | 11 | 30 | 28 | 20 | 67 | 115 |
| 2 | Quận 3 | 24 | 36 | 60 | 42 | 41 | 80 | 163 |
| 3 | Quận 4 | 27 | 23 | 50 | 31 | 41 | 57 | 129 |
| 4 | Quận 7 | 27 | 34 | 61 | 85 | 118 | 100 | 303 |
| 5 | Quận 8 | 5 | 6 | 11 | 58 | 73 | 108 | 239 |
| 6 | Quận Bình Thạnh | 9 | 8 | 17 | 140 | 100 | 119 | 359 |
| 7 | Quận Tân Bình | 17 | 10 | 27 | 114 | 81 | 58 | 253 |
| 8 | TP. Thủ Đức (3 quận) | 143 | 152 | 295 | 897 | 888 | 847 | 2632 |
| 9 | Huyện Bình Chánh | 38 | 24 | 62 | 18 | 9 | 41 | 68 |
| 10 | Huyện Cần Giờ | 21 | 17 | 38 | 37 | 21 | 22 | 80 |
| 11 | Huyện Hóc Môn | 58 | 69 | 127 | 311 | 304 | 109 | 724 |
| 12 | Huyện Nhà Bè | 4 | 7 | 11 | 160 | 128 | 120 | 408 |
| | Tổng | 392 | 397 | 789 | 1921 | 1824 | 1728 | 5473 |

- *Phương pháp khảo sát:* Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với HS và GV. Thang đo Likert 4 mức độ với điểm trung bình (ĐTB) được chia khoảng như sau: *1,0-1,75 điểm:* Hoàn toàn không đồng ý/ Hoàn toàn không ảnh hưởng; *1,76-2,50 điểm:* Không đồng ý/ Không ảnh hưởng; *2,51-3,25 điểm:* Có phần đồng ý/ Có phần ảnh hưởng; *3,26-4,00 điểm:* Đồng ý/ Ảnh hưởng. Dùng phần mềm SPSS để tính ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH); đồng thời phân tích kết quả T-test (kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt ĐTB của 2 mẫu độc lập) và Anova (kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt ĐTB của nhiều mẫu độc lập).

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Biểu hiện động lực học tập của học sinh trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát 5.473 HS và 789 GV về biểu hiện ĐLHT của HS được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của HS và GV về biểu hiện ĐLHT của HS

| TT | Các biểu hiện | Tự đánh giá của HS | | | | | | Mức độ |
|----|--|--------------------|--------------|-------|-------------|------|----|----------------|
| | | HS 10 | HS 11 | HS 12 | Tổng hợp | | | |
| | | ĐTB | ĐTB | ĐTB | ĐTB | ĐLC | XH | |
| 1 | Nhìn chung, em tự thấy mình đã có sự chăm chỉ trong học tập | 3,10 | 3,09 | 3,10 | 3,10 | 0,73 | 2 | Có phần đồng ý |
| 2 | Nhìn chung, em tự thấy mình có sự tự giác, chủ động học tập | 3,06 | 3,06 | 3,07 | 3,06 | 0,75 | 3 | Có phần đồng ý |
| 3 | Nhìn chung, em tự thấy mình có sự hăng hái, tích cực trong học tập | 2,91 | 2,92 | 2,96 | 2,93 | 0,77 | 4 | Có phần đồng ý |
| 4 | Nhìn chung, em tự thấy mình có sự hứng thú, say mê trong học tập | 2,84 | 2,83 | 2,89 | 2,85 | 0,78 | 5 | Có phần đồng ý |
| 5 | Nhìn chung, em tự thấy mình có nỗ lực, kiên trì vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập | 3,11 | 3,12 | 3,09 | 3,11 | 0,78 | 1 | Có phần đồng ý |
| | Chung | 3,00 | 3,00 | 3,02 | 3,01 | | | |
| | Kết quả ANOVA (sig.) | | 0.558 | | | | | |

| Đánh giá của GV | | | | | | | |
|---------------------------------------|--|---------------------|-------|-------------|------|----|----------------|
| TT | Các biểu hiện | KHTN | KHXXH | Tổng hợp | | | |
| | | ĐTB | ĐTB | ĐTB | ĐLC | XH | |
| 1 | Thầy/Cô nhận thấy, nhìn chung, HS của mình chăm chỉ trong học tập | 2,93 | 3,00 | 2,96 | 0,70 | 1 | Có phần đồng ý |
| 2 | Thầy/Cô nhận thấy, nhìn chung, HS của mình tự giác, chủ động học tập | 2,72 | 2,82 | 2,77 | 0,72 | 5 | Có phần đồng ý |
| 3 | Thầy/Cô nhận thấy, nhìn chung, HS của mình hăng hái, tích cực học tập | 2,80 | 2,89 | 2,84 | 0,69 | 3 | Có phần đồng ý |
| 4 | Thầy/Cô nhận thấy, nhìn chung, HS của mình hứng thú, say mê học tập | 2,72 | 2,86 | 2,79 | 0,69 | 4 | Có phần đồng ý |
| 5 | Thầy/Cô nhận thấy, nhìn chung, HS của mình nỗ lực, kiên trì vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập | 2,77 | 2,95 | 2,86 | 0,71 | 2 | Có phần đồng ý |
| Chung | | 2,79 | 2,90 | 2,84 | | | |
| Kết quả T-test (sig.) | | 0.05 | | | | | |
| Kết quả T-test (giữa HS và GV) | | sig. = 0.000 | | | | | |

Số liệu ở bảng 2 cho thấy:

- HS tự đánh giá không cao tất cả các biểu hiện ĐLHT, chỉ ở mức “có phần đồng ý”, trong đó, 2 biểu hiện HS tự đánh giá cao nhất là *sự nỗ lực, kiên trì vượt khó khăn* và *sự chăm chỉ*. Một điều đáng lưu ý là những biểu hiện còn lại, rất quan trọng của ĐLHT (sự hứng thú, say mê; hăng hái, tích cực và tự giác, chủ động trong học tập) đều xếp thứ hạng thấp. Phân tích ANOVA (kiểm tra ý nghĩa của sự khác biệt ĐTB giữa HS lớp 10, 11 và 12), kết quả nhận được là sig. = 0,558 (> 0,05). Như vậy, sự khác biệt này không có ý nghĩa (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008, tr 150). Đánh giá về biểu hiện ĐLHT của HS lớp 10, 11 và 12 có sự tương đồng.

- GV đánh giá biểu hiện ĐLHT của HS có phần khắt khe hơn so với tự đánh giá của HS. Dùng kiểm định t để kiểm tra ý nghĩa của sự khác biệt ĐTB của 2 mẫu độc lập là GV và HS, kết quả nhận được là sig. = 000 (< 0,05). Như vậy, sự khác biệt này là sự khác biệt có ý nghĩa, HS có xu hướng tự đánh giá biểu hiện ĐLHT của bản thân (ĐTB chung là 3,01) cao hơn đánh giá của GV (ĐTB chung là 2,84), tuy nhiên đánh giá của GV cũng không cao, đều ở mức “có phần đồng ý”. Đánh giá của GV các môn khoa học tự nhiên (KHTN) và GV các môn khoa học xã hội (KHXXH) là như nhau, với sig.= 0.05 (sig. từ 0.05 trở lên thì sự khác biệt ĐTB không có ý nghĩa) (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008, tr 136). So sánh về thứ hạng của các biểu hiện ĐLHT, đánh giá GV có vài khác biệt nhỏ so với HS; tuy nhiên, tương tự HS, GV đánh giá cao nhất biểu hiện *chăm chỉ* và *nỗ lực*, đánh giá thấp các biểu hiện *tự giác, chủ động; hứng thú, tích cực*.

Kết quả khảo sát cho thấy bức tranh ĐLHT của HS THPT ở TP. Hồ Chí Minh không được khả quan. Nghiên cứu cần tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS để tìm ra biện pháp nâng cao hơn nữa ĐLHT cho HS.

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của học sinh trung học phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh

Bốn nhóm yếu tố bao gồm 10 yếu tố cụ thể được khảo sát về mức độ ảnh hưởng đến ĐLHT của HS. Kết quả khảo sát 5.473 HS và 789 GV được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của HS và GV về các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS

| Các yếu tố | HS | | | | | | GV | | | | | |
|--|-------|-------|-------|-------------|------|----|------|-------|-------------|------|----|--|
| | Lớp10 | Lớp11 | Lớp12 | Tổng hợp | | | KHTN | KHXXH | Tổng hợp | | | |
| | ĐTB | ĐTB | ĐTB | ĐTB | ĐLC | XH | ĐTB | ĐTB | ĐTB | ĐLC | XH | |
| I. Các yếu tố thuộc về HS | | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Yếu tố thuộc về cá nhân HS (nhu cầu, ước muốn, hứng thú, đặc điểm tính cách, năng lực của HS) | 3,12 | 3,14 | 3,21 | 3,15 | 0,83 | 2 | 3,47 | 3,42 | 3,44 | 0,67 | 3 | |
| 1.2. Đặc điểm gia đình HS (sự quan tâm, kì vọng của cha mẹ, điều kiện gia đình...) | 2,93 | 2,96 | 2,99 | 2,96 | 0,92 | 7 | 3,48 | 3,42 | 3,45 | 0,61 | 2 | |
| Chung | 3,03 | 3,05 | 3,10 | 3,06 | | | 3,47 | 3,42 | 3,45 | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|--|---------------------|------|------|-------------|------|----|---------------------|------|-------------|------|----|--|
| 2. Các yếu tố thuộc về giảng dạy của GV | | | | | | | | | | | | |
| 2.1. Nội dung mà GV giảng dạy | 3,05 | 3,10 | 3,11 | 3,09 | 0,87 | 4 | 3,32 | 3,37 | 3,35 | 0,65 | 6 | |
| 2.2. Các phương pháp, hình thức dạy học GV sử dụng | 3,06 | 3,10 | 3,13 | 3,10 | 0,87 | 3 | 3,38 | 3,39 | 3,39 | 0,65 | 5 | |
| 2.3. Việc GV đánh giá kết quả học tập của HS | 3,04 | 3,09 | 3,13 | 3,09 | 0,89 | 4 | 3,33 | 3,33 | 3,33 | 0,68 | 6 | |
| Chung | 3,05 | 3,09 | 3,13 | 3,09 | | | 3,35 | 3,36 | 3,35 | | | |
| 3. Các yếu tố thuộc về môi trường học tập | | | | | | | | | | | | |
| 3.1. Mỗi quan hệ GV với HS | 2,76 | 2,84 | 2,93 | 2,84 | 0,97 | 10 | 3,34 | 3,31 | 3,33 | 0,65 | 6 | |
| 3.2. Mỗi quan hệ HS với HS | 2,82 | 2,87 | 2,97 | 2,88 | 1,00 | 8 | 3,25 | 3,28 | 3,26 | 0,68 | 10 | |
| 3.3. Các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ học tập như phòng học, cách sắp xếp lớp học, phương tiện học tập... | 2,76 | 2,93 | 2,96 | 2,88 | 0,97 | 8 | 3,32 | 3,34 | 3,33 | 0,67 | 6 | |
| Chung | 2,78 | 2,88 | 2,95 | 2,87 | | | 3,30 | 3,31 | 3,31 | | | |
| 4. Các yếu tố thuộc về môi trường xã hội | | | | | | | | | | | | |
| 4.1. Sự phát triển KT-XH (quan điểm của xã hội về việc học, trình độ dân trí, mức sống nói chung trong xã hội hiện nay...) | 2,93 | 3,05 | 3,10 | 3,02 | 0,92 | 6 | 3,39 | 3,41 | 3,40 | 0,62 | 4 | |
| 4.2. Sự phát triển KH-CN (Internet, các phương tiện học tập hiện đại...) | 3,10 | 3,22 | 3,28 | 3,20 | 0,89 | 1 | 3,53 | 3,52 | 3,52 | 0,60 | 1 | |
| Chung | 3,01 | 3,14 | 3,19 | 3,11 | | | 3,46 | 3,46 | 3,46 | | | |
| Tổng hợp 4 nhóm yếu tố | 2,96 | 3,03 | 3,08 | 3,02 | | | 3,38 | 3,38 | 3,38 | | | |
| Kết quả Anova và T-test | Sig. = 0.000 | | | | | | Sig. = 0.418 | | | | | |

Số liệu thống kê ở bảng 3 cho thấy:

- HS đánh giá tất cả 10 yếu tố đều ở mức “có phần ảnh hưởng” (thấp nhất là 2,84 điểm và cao nhất là 3,20 điểm). Kiểm định Anova (kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt ĐTB giữa HS lớp 10, 11 và 12) nhận được sig. < 0.05, sự khác biệt là có ý nghĩa, HS lớp càng cao đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố càng cao. Tuổi của HS càng lớn thì mức độ nhận thức càng rõ và quan tâm đến các yếu tố tác động từ môi trường xã hội, thầy cô, bạn bè và đặc điểm bản thân.

- 5 yếu tố xếp hạng cao nhất lần lượt là: *Sự phát triển KH-CN* (Internet, các phương tiện học tập hiện đại...); *yếu tố thuộc về cá nhân HS* (nhu cầu, ước muốn, hứng thú, tính cách, năng lực của HS); *các phương pháp, hình thức dạy học mà GV sử dụng*; *nội dung mà GV giảng dạy*; *việc GV đánh giá kết quả học tập*.

Như vậy, ĐLHT của HS được đánh giá chịu ảnh hưởng rõ nét bởi sự phát triển của KH-CN. Sự phát triển KH-CN làm cho hoạt động học tập của HS trở nên thuận lợi, tuy nhiên, cũng có thể đem đến một số tác động tiêu cực đối với HS, như: HS dễ bị xao nhãng học tập do những cám dỗ trên môi trường mạng, dành nhiều thời gian cho các mạng xã hội; HS dễ chủ quan, lười suy nghĩ, vì nguồn dữ liệu trên mạng Internet vô cùng phong phú, dễ dàng truy cập để tìm ra cách giải quyết nhiều vấn đề; HS có thể học tập trực tuyến, giảm cơ hội giao tiếp trực tiếp với GV và bạn bè, trải nghiệm bầu không khí lớp học với niềm vui của sự thi đua, chia sẻ ý kiến, cổ vũ trực tiếp cho nhau... (Nguyễn Thị Thúy Dung, 2021, tr 1-5). Một điểm đáng lưu ý trong kết quả khảo sát HS là tất cả các yếu tố thuộc về giảng dạy của GV đều là các yếu tố xếp hạng cao về mức độ ảnh hưởng đến ĐLHT của HS. Như vậy, để nâng cao ĐLHT cho HS, vai trò của GV là vô cùng quan trọng.

- GV đánh giá tất cả 10 yếu tố đều ở mức “ảnh hưởng” đến ĐLHT của HS (thấp nhất là 3,26 điểm và cao nhất là 3,52 điểm). Kiểm định T-test (kiểm tra ý nghĩa sự khác biệt ĐTB trong đánh giá của GV các môn KHTN và GV các môn KHXH) nhận được sig. = 0.418 (> 0.05) - sự khác biệt không có ý nghĩa. 5 yếu tố xếp hạng mức ảnh hưởng cao nhất theo ý kiến đánh giá của GV lần lượt là: *Sự phát triển KH-CN*; *đặc điểm gia đình HS*; *yếu tố thuộc về cá nhân HS*; *sự phát triển KT-XH* (quan điểm của xã hội về việc học, trình độ dân trí, mức sống nói chung trong xã hội hiện

nay...); các phương pháp, hình thức dạy học mà GV sử dụng. Kết quả này cho thấy, tương tự HS, GV tự đánh giá yếu tố phương pháp và hình thức dạy học của GV nằm trong nhóm yếu tố có mức độ ảnh hưởng cao nhất đến ĐLHT của HS. Như vậy, có thể nhận định, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến ĐLHT của HS không cao có thể là những hạn chế về giảng dạy của GV hiện nay.

So sánh đánh giá của HS và GV về các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS được trình bày trong bảng 4.

Bảng 4. So sánh đánh giá của HS và GV về các yếu tố ảnh hưởng đến ĐLHT của HS

| TT | Các yếu tố | HS | | GV | | Kết quả T-test (sig) |
|----|---|-------------|----|-------------|----|----------------------|
| | | ĐTB | XH | ĐTB | XH | |
| 1 | Các yếu tố thuộc về HS | 3,06 | 3 | 3,45 | 2 | 0.000 |
| 2 | Các yếu tố thuộc về giảng dạy của GV | 3,09 | 2 | 3,35 | 3 | 0.000 |
| 3 | Các yếu tố thuộc về môi trường học tập ở trường/lớp | 2,87 | 4 | 3,31 | 4 | 0.000 |
| 4 | Các yếu tố thuộc về môi trường xã hội | 3,11 | 1 | 3,46 | 1 | 0.000 |
| | Chung | 3,02 | | 3,38 | | 0.000 |

Kết quả ở bảng 4 cho thấy sig. < 0,05, sự khác biệt ĐTB trong đánh giá của HS và GV là sự khác biệt có ý nghĩa, GV đánh giá tất cả các nhóm yếu tố đều có mức độ ảnh hưởng cao hơn so với đánh giá của HS; tuy nhiên, các yếu tố thuộc về môi trường xã hội đều được GV và HS đánh giá mức độ ảnh hưởng cao nhất đến ĐLHT của HS. XH 2 theo đánh giá của HS là các yếu tố thuộc về giảng dạy của GV, trong khi các yếu tố thuộc về HS lại được GV đánh giá XH 2. Điều này cho thấy, kết quả khảo sát mang tính chủ quan nhất định, nhưng cũng cho thấy rằng cả 2 nhóm yếu tố này đều quan trọng trong việc tìm kiếm biện pháp tạo ĐLHT cho HS.

3. Kết luận

Khảo sát bằng bảng hỏi đối với 789 GV và 5.473 HS các trường THPT công lập ở 7 quận nội thành, 4 huyện ngoại thành và 3 quận của TP. Hồ Chí Minh cho thấy, các biểu hiện ĐLHT của HS không cao. Trong số 5 biểu hiện ĐLHT được khảo sát, có 2 biểu hiện được đánh giá cao nhất là *chăm chỉ* và *nỗ lực vượt khó* để hoàn thành nhiệm vụ học tập; các biểu hiện khác như *tự giác*, *chủ động*; *hăng hái*, *nhật tình*; *hứng thú*, *say mê* trong học tập chưa được đánh giá cao. ĐLHT của HS THPT ở TP. Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố; trong đó, *sự phát triển KH-CN như mạng Internet, các phương tiện học tập hiện đại...* (trong nhóm yếu tố thuộc về môi trường xã hội) được đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao nhất. Mặt khác, ngoài yếu tố chủ quan thuộc về cá nhân HS (nhu cầu, ước muốn, hứng thú, đặc điểm tính cách, năng lực của HS), yếu tố thuộc về giảng dạy của GV như *phương pháp và hình thức dạy học mà GV sử dụng, nội dung mà GV giảng dạy, cách đánh giá kết quả học tập* đều được đánh giá có mức độ ảnh hưởng cao đến ĐLHT của HS. Kết quả khảo sát mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo về các biện pháp nâng cao ĐLHT cho HS THPT ở TP. Hồ Chí Minh: các biện pháp phát huy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của môi trường xã hội đến ĐLHT của HS; các biện pháp tạo nhu cầu, hứng thú học tập cho HS; nghiên cứu về tiêu chí giúp GV lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức và cách đánh giá kết quả học tập nhằm tạo ĐLHT cho HS.

Tài liệu tham khảo

- Dương Thị Kim Oanh (2013). Một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu động cơ học tập. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 48, 138-148.
- Đình Phương Duy (2015). *Hình thành động cơ học tập cho học sinh từ môi trường thân thiện*. Kì yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Động cơ học tập của người học và trách nhiệm của người dạy - Thực trạng và giải pháp”, tr 334-339. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đỗ Hữu Tài, Lâm Thanh Hiền, Nguyễn Thanh Lâm (2016). Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên - Ví dụ thực tiễn tại Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Lạc Hồng*, 5, 1-6.
- Hoàng Thị Mỹ Nga, Nguyễn Tuấn Kiệt (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, 46, 107-115.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Tập 1)*. NXB Hồng Đức.
- Nguyễn Thị Thúy Dung (2021). Tạo động lực học tập cho học sinh - Một năng lực cần thiết của giáo viên phổ thông đáp ứng giáo dục 4.0. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 43, 1-5.
- Phạm Hồng Quang, Lê Hồng Sơn (2011). *Xây dựng môi trường học tập cho học sinh trung học phổ thông*. Bộ GD-ĐT, Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học phổ thông, giai đoạn 2011-2018.
- Phạm Minh Hạc (chủ biên, 2013). *Từ điển bách khoa Tâm lý học, Giáo dục Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.